

Số: 13/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng
đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 30/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 395/BC-BVHXXH ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, không có khả năng lao động, không có khả năng thoát nghèo, đang hưởng một hoặc nhiều khoản trợ cấp hằng tháng (bao gồm trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) có tổng mức hưởng hằng tháng dưới mức tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia theo quy định.

2. Người thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, không có khả năng lao động, không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) không có khả năng thoát nghèo thuộc một trong các trường hợp sau:

Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật);

Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật);

Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp hằng tháng khác từ ngân sách nhà nước tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này.

b) Người được giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định của pháp luật;

c) Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ban hành danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

d) Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT quy định chi tiết thi hành Luật

Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Trẻ em;

e) Người từ đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc khóa học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Trường hợp đối tượng thuộc quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc diện được hưởng các mức hỗ trợ, trợ cấp hằng tháng khác nhau thì được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất để thoát nghèo.

2. Đối tượng được hỗ trợ trong năm 2026 dựa trên kết quả rà soát định kỳ năm 2025; giai đoạn 2027-2030 dựa trên kết quả rà soát đầu kỳ vào cuối năm 2026; sau năm 2030, dựa trên kết quả rà soát đầu kỳ từng giai đoạn theo quy định của Chính phủ.

3. Những trường hợp hộ nghèo phát sinh dựa trên kết quả rà soát định kỳ và rà soát trong năm theo quy định, sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được hưởng chính sách hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ thêm thu nhập ổn định hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (sau khi trừ các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước đã được hưởng) để đảm bảo tổng mức trợ cấp và hỗ trợ hằng tháng bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia do Chính phủ quy định cụ thể như sau:

a) Năm 2026, đảm bảo tổng mức hỗ trợ theo Nghị quyết này và khoản trợ cấp khác đang được hưởng hằng tháng là 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị; 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn;

b) Từ năm 2027 đến năm 2030, đảm bảo tổng mức hỗ trợ theo Nghị quyết này và khoản trợ cấp khác đang được hưởng hằng tháng là 2.800.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị; 2.200.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn;

c) Sau năm 2030, thực hiện hỗ trợ dựa trên mức tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia tại thời điểm thực hiện.

d) Trong thời gian được hưởng hỗ trợ thêm hằng tháng, các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này không còn được hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ 100% mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

2. Hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bằng mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng tại Nghị quyết này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu đối tượng và việc quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{K.Linh}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn